

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

VỀ VIỆC YÊU CẦU CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 7304/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Tô Lan A**, sinh năm 1985; số CCCD: Y cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; địa chỉ: đường C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông **Trần Nhân H (Tran Nhan H)**, sinh năm 1985; địa chỉ: Canada.
(Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

[1] Tại đơn yêu cầu và các bản tự khai, người yêu cầu bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) trình bày:

Bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số X, Quyền số X1 ngày 05 tháng 7 năm 2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 5 năm 2010. Sau khi kết hôn, do tính chất công việc và chỗ làm việc có sự khác biệt nên hai người không thực tế chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Ông bà đã sống ly thân hơn 14 năm, tình cảm vợ chồng đã không còn, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giữa bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) trình bày hai người không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại phiên họp sơ thẩm, người yêu cầu đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết việc dân sự theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các đương sự trong việc dân sự đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; loại việc dân sự đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ việc có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về đường lối giải quyết vụ việc, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu, công nhận bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) thuận tình ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Căn cứ đơn yêu cầu của người yêu cầu, Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Hộ chiếu, Căn cước công dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy khai sinh và bản tự khai của các đương sự trong việc dân sự, có cơ sở để xác định đây là việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Người yêu cầu bà Tô Lan A cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; ông Trần Nhân H cư trú tại Canada. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Khoản 3 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thẩm quyền giải quyết việc dân sự thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Trước khi mở phiên họp, người yêu cầu đã có văn bản trình bày ý kiến và đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của các đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ việc. Căn cứ quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số X, Quyền số X1 ngày 05 tháng 7 năm 2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 5 năm 2010 và lời trình bày của các đương sự, có cơ sở để xác định quan

hệ hôn nhân giữa bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) cùng trình bày giữa hai người đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do thực tế vợ chồng không chung sống, không thể quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Việc các đương sự cùng yêu cầu ly hôn là tự nguyện; có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp.

[3.2] Về con chung: Bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) cùng trình bày không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) cùng trình bày giữa hai người không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H không có thỏa thuận về người chịu lệ phí Tòa án nên mỗi người phải chịu 50% mức lệ phí Tòa án là 150.000 đồng theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 29, Khoản 3 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm h Khoản 2 Điều 39, các điều 367, 371, 396 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng các điều 19, 55, 51, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H):

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H (Tran Nhan H) thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số X, Quyền số X1 ngày 05 tháng 7 năm 2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 5 năm 2010 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H khai không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Tô Lan A và ông Trần Nhân H mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số Z ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) Thành phố Hồ Chí Minh; các đương sự đã thi hành xong nghĩa vụ về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ (TC: 15).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP



Nguyễn Văn Tuấn